

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNH QUAN TÂY NGUYÊN FARM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNH QUAN TÂY NGUYÊN FARM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110885436

3. Ngày thành lập:

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 26, Ngách 94/10 đường Phạm Khắc Quảng, Tổ 18, Phường Giang Biên, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng lúa	0111
2.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
3.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
4.	Trồng cây mía	0114
5.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
6.	Trồng cây lấy sợi	0116
7.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
8.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
9.	Trồng cây hàng năm khác	0119
10.	Trồng cây ăn quả	0121
11.	Trồng cây lâu năm khác	0129
12.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
13.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
14.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
15.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
16.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
17.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
18.	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan	0170
19.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
20.	Khai thác gỗ	0220
21.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
22.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
23.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240

24.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
25.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
26.	Sản xuất đường	1072
27.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
28.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
29.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
30.	Sản xuất chè	1076
31.	Sản xuất cà phê	1077
32.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
33.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
34.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
35.	Sản xuất rượu vang	1102
36.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
37.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
38.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	1200
39.	Sản xuất sợi	1311
40.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
41.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
42.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
43.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
44.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
45.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
46.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
47.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
48.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
49.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
50.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp (Loại trừ hoạt động nhà nước cấm)	2021
51.	Xây dựng nhà để ở	4101
52.	Xây dựng nhà không để ở	4102
53.	Xây dựng công trình điện	4221
54.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
55.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
56.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
57.	Xây dựng công trình thủy	4291
58.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
59.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
60.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299

61.	Phá dỡ (Loại trừ hoạt động nổ mìn)	4311
62.	Chuẩn bị mặt bằng (Loại trừ hoạt động nổ mìn)	4312
63.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
64.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
65.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
66.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
67.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý hàng hóa, môi giới hàng hóa (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4610
68.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
69.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
70.	Bán buôn thực phẩm	4632
71.	Bán buôn đồ uống	4633
72.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
73.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
74.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
75.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
76.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
77.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
78.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
79.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
80.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Loại trừ hoạt động kinh doanh vàng)	4662
81.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
82.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
83.	Bán buôn tổng hợp	4690
84.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
85.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
86.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
87.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
88.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
89.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
90.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
91.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741

92.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
93.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
94.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
95.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
96.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
97.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
98.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
99.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
100.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
101.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
102.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
103.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng, súng đạn, tem và tiền kim phí)	4773
104.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4774
105.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
106.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
107.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
108.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
109.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
110.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
111.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4791
112.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4799
113.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912

114.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô (Điều 6, 7, 8 Nghị định Số 10/2020/NĐ-CP)	4932
115.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9 Nghị định Số 10/2020/NĐ-CP)	4933
116.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
117.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
118.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ hoạt động lai dắt, hoa tiêu, đưa tàu cập bến; trừ hoạt động hàng không; trừ dịch vụ lấy lại tài sản; trừ hoạt động đấu giá)	5229
119.	Quảng cáo (Trừ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cấm quảng cáo)	7310
120.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130(Chính)
121.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230
122.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 500.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐẶNG VĂN THIỆT	Áp Hiệp Tâm 2, Thị trấn Định Quán, Huyện Định Quán, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	25.000	250.000.000	5,000	0750930070 86	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	25.000	250.000.000	5,000		
2	NGUYỄN THỊ THẢO	Thôn Cơ Giáo, Xã Hồng Vân, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	250.000	2.500.000.000	50,000	0011870413 56	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	250.000	2.500.000.000	50,000		

3	BÙI THANH LIÊM	Thôn Lũh Rung, Xã Ia Hrú, Huyện Chư Pưh, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	0642010109 56	
			Cổ phần phổ thông	225.000	2.250.000.000	45,000		
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	225.000	2.250.000.000	45,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: BÙI THANH LIÊM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/04/2001

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 064201010956

Ngày cấp: 08/07/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Lũh Rung, Xã Ia Hrú, Huyện Chư Pưh, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Lũh Rung, Xã Ia Hrú, Huyện Chư Pưh, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội